

# CÁC YẾU TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG – CƠ SỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Đặng Thị Mỹ Dung<sup>(1)</sup>, Nguyễn Ngọc Trân<sup>(1)</sup>**

*(1) Trường Đại học Ngoại Thương, Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh*

*Ngày nhận bài 25/5/2022; Ngày phản biện 28/5/2022; Chấp nhận đăng: 30/6/2022*

*Liên hệ Email: dangthimydung.cs2@ftu.edu.vn*

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.04.324>

---

## **Tóm tắt**

*Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Tiếng Anh chuyên ngành (TACN) đóng vai trò quan trọng trong các chương trình đào tạo tại Trường Đại học Ngoại thương. Kiến thức TACN giúp cựu người học FTU tự tin hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn. Đồng thời đây cũng tạo nên lợi thế cạnh tranh cho ứng viên FTU khi xin việc. Trong bài nghiên cứu này nhóm tác giả sẽ tìm hiểu và đánh giá những yếu tố then chốt góp phần quyết định chất lượng giảng dạy TACN tại Đại học Ngoại Thương, Cơ sở TPHCM như tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, lực lượng giảng viên, đề cương môn học, công tác kiểm tra, đánh giá năng lực người học, và động cơ/thái độ học tập của người học. Căn cứ trên kết quả khảo sát thực trạng việc dạy và học TACN, nhóm tác giả sẽ kiến nghị một số giải pháp đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả công tác giảng dạy góp phần giữ vững thương hiệu Đại học Ngoại Thương và không ngừng đáp ứng nhu cầu xã hội ngày một nâng cao.*

**Từ khóa:** *đội ngũ giảng viên ngoại ngữ, nâng cao hiệu quả giảng dạy, người học, TACN*

## **Abstract**

**KEY FACTORS INFLUENCING THE IMPROVEMENT OF TEACHING ENGLISH FOR SPECIFIC PURPOSES (ESP) AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY – HCMC CAMPUS**

*In the context of international integration, English for Specific Purposes (ESP) is of growing importance in all training programmes at Foreign Trade University. The knowledge of ESP helps FTU graduates become more confident in using English in their majors. Simultaneously, this is a competitive advantage for FTU-ers in job applications. The authors will focus on finding and analyzing critical factors that contribute to the quality improvement of ESP teaching and learning at FTU, HCMC Campus. These elements consist of teaching and learning materials, English teachers, ESP curriculum/syllabus, measuring and assessing learners' performance, and*

*learners' motivation/attitudes towards teaching and learning. Then the writer will make some recommendations on ESP teaching and learning on the basis of the current research findings to enhance English teaching and learning in the educational institution, which keeps the FTU brand stronger and meets customers' demands better.*

---

## 1. Giới thiệu

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu, tiêu chuẩn nghề nghiệp về lực lượng lao động ngày càng cao. Người lao động không những phải giỏi về chuyên môn mà còn phải thông thạo về ngoại ngữ, đặc biệt Tiếng Anh được sử dụng như ngôn ngữ chính dùng trong kinh doanh quốc tế. Ngoài Tiếng Anh học thuật dùng trong giao tiếp thông thường thì mỗi ngành nghề trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi người lao động cần có kiến thức tốt về Tiếng Anh chuyên ngành (TACN) đặc thù riêng. Vì vậy, việc dạy và học Tiếng Anh chuyên ngành ngày càng đóng vai trò cốt lõi trong các chương trình đào tạo nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo TACN ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Năng lực sử dụng Tiếng Anh của người lao động tại Việt Nam vẫn còn hạn chế so với các nước trong khu vực. Theo bảng xếp hạng EPI (*English Proficiency Index*), Việt Nam đứng thứ 65/100 về khả năng sử dụng Tiếng Anh trong phạm vi các nước Đông Nam Á (VOCA, 2022). Đây là một hạn chế về lực lượng lao động của Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa như hiện nay.

Đại học Ngoại Thương, Cơ sở tại TPHCM là một trong những đơn vị đào tạo trọng điểm đội ngũ nhân lực chất lượng cao khối ngành kinh tế khu vực phía Nam. Vì vậy, công tác đào tạo TACN cho người học luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong tất cả các chương trình đào tạo. Tuy nhiên, công tác triển khai đào tạo TACN cũng còn một số hạn chế khách quan và chủ quan.

Phần lớn các nghiên cứu tại Việt Nam tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Anh của người học các ngành không chuyên Tiếng Anh như Luật, Kỹ thuật, Khách sạn và Du lịch,... Hiện chưa có các nghiên cứu đặc thù về chất lượng dạy và học TACN dùng trong lĩnh vực Kinh tế, Tài chính,... ở khu vực phía Nam. Do đó, nhóm tác giả quyết định nghiên cứu các yếu tố then chốt góp phần quyết định hiệu quả dạy và học TACN trong Kinh tế kinh doanh tại trường ĐH Ngoại Thương – TPHCM để từ đó có cơ sở hợp lý kiến nghị một số đề xuất cho Nhà trường.

Nhóm nghiên cứu tập trung vào ba mảng chính. Trước hết, nhóm tác giả sẽ giới thiệu tổng quan về dạy và học TACN và những nhân tố chính ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo Tiếng Anh. Tác giả sẽ phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng của chúng đối với công tác đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt TACN tại Cơ sở TPHCM – ĐH Ngoại Thương. Kết quả khảo sát thực trạng đào tạo là cơ sở khoa học giúp nhóm nghiên cứu kiến nghị các đề xuất tham khảo cho Nhà trường trong việc hoạch định chiến lược đào tạo Tiếng Anh cho người học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội ngày càng cao về việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tự tin sử dụng TACN trong chuyên môn.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Chất lượng giảng dạy

Trong giáo dục, chất lượng giáo dục được định nghĩa là sự đáp ứng mục tiêu của cơ sở đào tạo hoặc chương trình đào tạo, phù hợp với các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu về nguồn lực nhân sự cho sự phát triển kinh tế, xã hội vùng miền ở các địa phương và cả nước (Bộ giáo dục và Đào tạo, 2012).

Chất lượng đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo luôn đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của mỗi cơ sở giáo dục. Đây là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, việc đánh giá, đo lường chính xác chất lượng đào tạo rất khó thực hiện một cách thống nhất. Có rất nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng đào tạo (Đào Thị Thu Giang, 2020).

Để có thể hiểu rõ những yếu tố tác động chính đến chất lượng giảng dạy, trước hết cần hiểu rõ quá trình dạy và học là gì. Theo Nguyễn Thu Hiền (2017), hoạt động dạy học bao gồm hoạt động của giảng viên và học viên/ sinh viên, được triển khai thực hiện theo chiến lược của cơ sở đào tạo, chương trình đã được thiết kế tác động trực tiếp/ gián tiếp đến học viên nhằm giúp phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn cho học viên/ sinh viên. Rõ ràng, quá trình dạy học xoay quanh một số nhân tố trọng tâm, then chốt như: người dạy, người học, chương trình đào tạo, phương tiện để chuyển giao tri thức giữa giảng viên và sinh viên. Vì vậy, các chuyên gia giáo dục đều thống nhất chất lượng giảng dạy chịu ảnh hưởng chịu tác động bởi các nhân tố chính như nội dung chương trình, giáo trình/ tài liệu giảng dạy, năng lực trình độ chuyên môn của người dạy, cách thức kiểm tra đánh giá năng lực người học.

#### *Chất lượng giảng dạy Ngoại Ngữ:*

Khung tham chiếu Châu Âu về ngôn ngữ (CEFR) đã đề cập những vấn đề liên quan đến chất lượng giảng dạy ngoại ngữ. Cũng tương tự các phân ngành khác, việc giảng dạy ngoại ngữ phải đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của khách hàng (người học, nhà tuyển dụng và xã hội nói chung). Quá trình ‘dạy và học’ chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố then chốt như giảng viên, học viên/sinh viên, mối quan hệ Thầy trò,... (Heyworth, 2001).

Danielle Julia (2003) đã nhấn mạnh muốn giải quyết vấn đề chất lượng đào tạo thì nhà nghiên cứu, các nhà quản lý hoạch định chiến lược cần nghiên cứu kỹ các tham số khác nhau tác động trực tiếp đến quá trình dạy và học: học viên/ sinh viên (động cơ học tập và năng lực học tập), giảng viên (năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy, môi trường làm việc,...), nguồn lực hỗ trợ hoạt động dạy và học (nguồn tư liệu học tập, tài liệu nghiên cứu phục vụ hoạt động dạy và học,...).

Trên cơ sở những quan điểm khác nhau về chất lượng giảng dạy nói chung và chất lượng giảng dạy Ngoại ngữ nói riêng, nhóm tác giả thống nhất đưa ra quan điểm về chất lượng giảng dạy Ngoại ngữ như sau: chất lượng giảng dạy Ngoại ngữ được đo bằng tính phù hợp của sản phẩm đào tạo (trình độ, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của người

học) với mục tiêu của chương trình đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu của khách hàng (doanh nghiệp hoặc các tổ chức sử dụng sinh viên tốt nghiệp trên thị trường lao động), chương trình nội dung đào tạo, ...

## **2.2. Các nhân tố then chốt quyết định chất lượng giảng dạy TACN hiệu quả**

Dạy và học ngoại ngữ là một quá trình phức tạp, luôn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan và chủ quan. Krashen (1988) đã đề cập đến các nhân tố then chốt có khả năng ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận và phát triển ngôn ngữ. Trong giới hạn bài viết này, nhóm tác giả nghiên cứu một số yếu tố bổ sung cũng góp phần ảnh hưởng đến hiệu quả đào tạo TACN trong các chương trình đào tạo hiện hành.

**Giáo trình giảng dạy TACN:** Giáo trình là nguồn tư liệu giảng dạy chính thống được sử dụng trong việc triển khai hoạt động dạy và học tại một cơ sở giáo dục. Theo Krashen (1988), việc lựa chọn giáo trình phù hợp là một trong những mấu chốt của chương trình đào tạo. Giáo trình phù hợp giúp phát triển năng lực người học hiệu quả. Giáo trình phải phù hợp với đối tượng người học (năng lực, nhu cầu,...). Do vậy, thông thường, giáo trình phải được biên soạn một cách tỉ mỉ và được Hội đồng Khoa học Nhà trường phê duyệt trước khi được triển khai. Các chuyên ngành đào tạo khác nhau sẽ sử dụng các giáo trình TACN khác nhau, phù hợp với đặc thù chuyên môn.

**Đội ngũ giảng viên giảng dạy TACN:** Little Wood (1981) đã nhấn mạnh giảng viên TACN được mong đợi thể hiện nhiều vai trò khác nhau. Có thể ở thời điểm này các vai diễn được thể hiện riêng biệt nhưng vào thời điểm khác họ đóng nhiều vai trò cùng một lúc. Giảng viên TACN vừa giảng Tiếng Anh Cơ sở/ Tiếng Anh học thuật và tiếng Anh chuyên ngành. Nunan (1988) cụ thể hóa vai trò của giảng viên TACN ở nhiều vị trí khác nhau: người hướng dẫn, tổ chức quản lý quá trình dạy và học TACN, cố vấn học tập, người phát triển khung chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình tài liệu học tập,... Hutchinson và Waters (1987) lập luận là giảng viên TACN phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau như khảo sát, phân tích nhu cầu người học, phát triển chương trình đào tạo, thiết kế nội dung bài giảng phù hợp với đối tượng người học và ngữ cảnh giảng dạy, tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực người học. Việc thực hiện tốt các nhiệm vụ đó đòi hỏi người dạy TACN phải linh hoạt, thích ứng tốt với hoàn cảnh. Vì việc giảng dạy TACN đòi hỏi người dạy ngoài việc có kiến thức tốt về ngôn ngữ tiếng Anh học thuật còn cần kiến thức chuyên ngành giúp cho bài giảng sinh động và rõ ràng mạch lạc hơn trong quá trình truyền đạt tri thức đến học viên. Ngoài ra, phương pháp giảng dạy của họ cũng chính chính là nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hiệu quả của quá trình đào tạo TACN. Phương pháp giảng dạy tích cực sẽ tạo động lực tốt cho người học, nâng cao tính sáng tạo nơi người học, khuyến khích nâng cao năng lực tư duy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao hơn nữa công tác đào tạo TACN.

**Thời lượng của môn TACN:** Thời lượng học tập ảnh hưởng rất lớn đến năng lực ngôn ngữ của con người. Theo lý thuyết của Krashen (1988), để quá trình tiếp thu ngôn ngữ trở thành năng lực ngôn ngữ thì quá trình tích lũy phải diễn ra đủ lâu mới phát huy

hiệu quả. Thời lượng môn Tiếng Anh chuyên ngành theo quy định trong các chương trình khung trình độ đại học đã được Bộ GD-ĐT ban hành là 10 đơn vị học trình (tương đương 150 tiết lý thuyết).

**Chuẩn đánh giá cho môn học:** Chuẩn đánh giá là mức tối thiểu về thành tích mà người học cần phải đạt được khi được đánh giá. Chuẩn đánh giá là cần thiết để đảm bảo tính công bằng giữa các người học. Mặc dù yếu tố kiểm tra đánh giá này không được đề cập đến trong lý thuyết về tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, nhưng đã có nghiên cứu tìm thấy mối liên hệ của nó đối với sự phát triển năng lực ngoại ngữ của người học. Một nghiên cứu của Ross (2005) trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh ở Nhật Bản, với các nhóm đối tượng theo học chương trình sử dụng các phương pháp đánh giá truyền thống như kiểm tra, bài tập về nhà, thi và nhóm theo học chương trình trong đó phương pháp đánh giá hướng đến quá trình học tập như tự đánh giá, đánh giá trong nhóm, đã làm cho đề tài mang tính hợp tác. Nghiên cứu cho thấy việc thay đổi phương pháp đánh giá có tác động đến khả năng tiếng Anh của người học. Người học càng có nhiều cơ hội tiếp cận ngôn ngữ thì năng lực ngoại ngữ sẽ được cải thiện một cách hiệu quả (Ross, 2005; Tran Thi Duyen và cs., 2019).

**Yếu tố sinh viên/ người học:** Cụ thể là tinh thần thái độ, động lực học tập, phương pháp học và tự học của sinh viên. Tinh thần thái độ học tập tích cực là yếu tố thúc đẩy sinh viên tham gia vào việc học bất kỳ môn học nào. Theo Little (2007) khả năng tự chịu trách nhiệm về việc học của bản thân người học quyết định sự thành công trong việc học ngoại ngữ đó. Một số nghiên cứu đã chứng minh sự quan trọng của khả năng tự học đối với kết quả học tập. Gradman và Hanania (1991) tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếng Anh của các học viên theo học tại Trung tâm Tiếng Anh của Đại học Indiana University. Nghiên cứu tìm thấy yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến năng lực tiếng Anh của học viên là sự chủ động khai thác nguồn tài liệu đọc và nghe bên ngoài lớp học. Thực tế cũng cho thấy, đối với bất kỳ môn học nào, phương pháp học và tự học thường tỷ lệ thuận với kết quả học tập của sinh viên. Điều này cũng đồng nghĩa với việc giảng viên TACN cần phải hướng dẫn cho sinh viên cách học và tự học môn học này để có thể đạt hiệu quả cao nhất.

### **2.3. Môn Tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở II**

Nằm trong khung chương trình quy định cho môn Tiếng Anh của Trường Đại học Ngoại thương theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương số 128/QĐ-QLKH ngày 06/5/2008, sau khi hoàn thành chương trình tiếng Anh cơ sở, sinh viên bắt đầu bước sang giai đoạn mới khi được tiếp xúc với những mảng kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành. Chương trình này áp dụng cho sinh viên ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh và Tài chính - Ngân hàng,.. và đã được triển khai giảng dạy từ năm học 2007-2008.

Căn cứ vào Quyết định số 1212/QĐ-ĐHNT ngày 25/08/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương thì điểm của bài thi kết thúc các học phần tiếng Anh cơ

sở được chuyên điếm từ điếm của chứng chỉ quốc tế theo yêu cầu và TACN được giảng dạy với thời lượng 60 tiết/ module với số tín chỉ là 02, được chia thành các module nhỏ gọi là TACN 1 (Thư tín thương mại) nằm trong môn Ngoại ngữ 5 và TACN 2 (Hợp đồng) nằm trong môn Ngoại ngữ 6 và TACN 3 (ESP/ Tiếng Anh Tài chính Ngân hàng, Tiếng Anh Quản trị Kinh doanh, Tiếng Anh Kinh tế, Tiếng Anh Kế toán Kiểm toán) nằm trong môn Ngoại ngữ 7. Việc phân bổ giảng dạy TACN 1, TACN 2, TACN 3 vào thời gian này là hợp lý vì lúc này sinh viên đã có những kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành cơ bản bằng tiếng Việt. Với những kiến thức này, sinh viên dễ dàng hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh và có thể phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên việc phân tích, tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ các nghiên cứu về giảng dạy TACN. Ngoài ra, để đề tài có tính thực tiễn cao, tác giả đã phỏng vấn 50% số lượng giảng viên của Bộ môn Ngoại ngữ (09/18 GV) đã và đang tham gia giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II dưới hình thức phỏng vấn trao đổi trực tiếp. Các câu hỏi phỏng vấn liên quan đến thâm niên giảng dạy TACN ở trường, thời gian giảng dạy, sự phù hợp về chuyên môn, thời lượng môn học so với lượng kiến thức chuyển tải cho sinh viên, cách thức kiểm tra đánh giá sinh viên được áp dụng trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, nghiên cứu cũng kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng bằng việc thực hiện điều tra khảo sát đối tượng là 180 sinh viên đang học TACN ở các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Kinh tế, Tài chính Ngân hàng và Kế toán Kiểm toán tại trường trong học kỳ I năm học 2021-2022 để làm cơ sở phân tích. Phiếu khảo sát được sử dụng để thu thập số liệu từ phía sinh viên về đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên, thái độ, tinh thần học tập và tự học của sinh viên. Các thông tin thu thập được từ cuộc khảo sát đã được tác giả tổng hợp, phân tích qua phần mềm Excel và từ đó có những nhận định đánh giá về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy TACN hiện nay ở trường.

### 4. Thảo luận và kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II

##### 4.1.1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành

Theo kết quả phỏng vấn chín giảng viên giảng dạy TACN đều là những giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy trên hai năm đối với môn học này. Căn cứ vào bảng phân công giảng dạy của Bộ môn, tác giả thấy rằng trung bình mỗi giảng viên dạy khoảng 60 tiết tiếng Anh chuyên ngành. Tuy nhiên, trên thực tế, các giảng viên này không chỉ dạy TACN mà còn đảm nhiệm nhiều môn học khác thuộc tiếng Anh cơ sở

với số tiết tương đối nhiều. Theo kết quả thống kê giờ giảng dạy và nghiên cứu NCKH của Bộ môn, trung bình mỗi học kỳ các giảng viên giảng dạy 500 tiết. Điều này chắc chắn ảnh hưởng đến công tác chuẩn bị bài giảng và chất lượng giảng dạy TACN. Hơn nữa, trong số 9 giảng viên, có đến 6 giảng viên tốt nghiệp từ ngành chuyên Tiếng Anh, không liên quan đến Tiếng Anh thương mại. Vì vậy, họ thường gặp khó khăn khi hướng dẫn các thuật ngữ chuyên ngành kinh tế.

**Bảng 1.** Phương pháp giảng dạy của giảng viên dưới góc nhìn của sinh viên

Nội dung	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không (%)
1. Phổ biến các quy định và nội dung môn học cho sinh viên	100	0	0
2. Giảng dạy theo nội dung trong chương trình môn học	100	0	0
3. Thay đổi nội dung trong đề cương môn học (thêm/ bớt nội dung)	0	60	40
4. Thiết kế các hoạt động để sinh viên chủ động tìm hiểu nội dung bài học	86	24	0
5. Cho sinh viên tự nghiên cứu, thảo luận nội dung bài học rồi thuyết trình	94	6	0
6. Hướng dẫn cách tự học cụ thể	53	32	15
7. Cung cấp và hướng dẫn cách tìm các tài liệu tham khảo	93	7	0
8. Giao bài tập về nhà sau mỗi buổi học	77	17	6

Bảng thống kê kết quả trên cho thấy 100% giáo viên thực hiện đúng nhiệm vụ đầu tiên là công bố mọi quy định, đề cương học phần, nội dung môn học cho sinh viên để sinh viên định hướng và có sự chuẩn bị phù hợp cho quá trình học tập và tuân thủ theo đúng nội dung môn học, đề cương học phần.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng giáo viên cũng phải điều chỉnh nội dung cho phù hợp với thời lượng buổi học hoặc nội dung bài học (60%). Điều này chứng tỏ giáo viên thực sự linh hoạt trong quá trình giảng dạy. Đa số các giáo viên thiết kế các hoạt động để cho sinh viên chủ động tham gia tìm hiểu nội dung bài học (86% ở mức độ thường xuyên và 24% thỉnh thoảng). Phần lớn sinh viên đều nhận xét là giảng viên hướng dẫn họ cách tự học một cách cụ thể, chỉ có 15% sinh viên nhận xét là giảng viên không hướng dẫn cách tự học cụ thể. Điều này cho thấy rằng đa số giảng viên giảng dạy theo hướng “lấy người học làm trung tâm”, phát huy tính tích cực tính chủ động của sinh viên trong việc học và nghiên cứu. Hầu hết tất cả các giảng viên đều cung cấp nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ chương trình học và hướng dẫn sinh viên cách tra cứu tài liệu tham khảo (93%) phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, các giảng viên cũng cho sinh viên bài tập về nhà hoặc các đồ án thực hiện theo nhóm khi kết thúc buổi học. Tuy nhiên, tùy tính chất và nội dung bài học nên giáo viên có thể thường xuyên giao bài tập (77%) hay thỉnh thoảng (17%).

Qua số liệu điều tra này, có thể thấy sinh viên đánh giá về phương pháp giảng dạy của giáo viên theo chiều hướng tích cực. 86% người học đánh giá cao phương pháp

giảng dạy của GV thông qua việc thiết kế hoạt động nâng cao tính chủ động của sinh viên, tìm hiểu nội dung học tập trước khi tham gia buổi học. 94% sinh viên đồng tình về việc giảng viên hỗ trợ, tạo cơ hội cho sinh viên tham gia tự nghiên cứu thảo luận nội dung bài học trước khi thuyết trình, thảo luận các chủ đề trước lớp. Rõ ràng, sinh viên đã được giao quyền chủ động trong học tập và nghiên cứu. Kết quả đó cho thấy với phương pháp giảng dạy tích cực như thế, cả thầy và trò cùng nhau xây dựng bài. Giờ giảng như vậy cũng sôi động và tạo động lực cho sinh viên tốt hơn.

#### 4.1.2. Giáo trình giảng dạy

Theo khảo sát, trên 70% giảng viên tham gia phỏng vấn cho rằng tài liệu và giáo trình giảng dạy là mảng có nhiều bất cập nhất hiện nay với môn học ESP. Hiện tại ở Cơ sở II, giáo trình phục vụ hai môn TACN 1 và TACN 2 chưa có phiên bản cập nhật mới. Với TACN 1, giáo trình *Oxford Handbook of Commercial Correspondence* (Ashley, 2003) và với TACN 2, giáo trình *Exporting and the Export Contract* (Pinnels, 1991) hiện vẫn đang sử dụng. Từ thực tế như vậy, nên khi giảng dạy các giáo viên phải cung cấp thêm tài liệu cập nhật bên ngoài có liên quan. Song, các nguồn tài liệu này không thống nhất giữa các lớp giảng dạy và chưa được đánh giá mức độ tin cậy của nguồn tài liệu vì hiện nay tổ Tiếng Anh Chuyên ngành của Bộ môn Ngoại ngữ vẫn chưa có biện pháp hỗ trợ cung cấp nguồn học vụ, tài liệu bổ trợ cho môn học cũng như xét duyệt các tài liệu cập nhật bổ trợ giảng dạy môn học chuyên ngành giảng viên cung cấp. Ngoài ra, giáo trình giảng dạy chuyên ngành cho Ngoại ngữ 7 chưa có đầy đủ nguồn tài liệu bổ trợ cho giảng viên (Teacher's book, các phần mềm hỗ trợ cho hoạt động dạy và học TACN,...). Giảng viên phải tự nghiên cứu giáo trình phục vụ công tác giảng dạy. Điều này phần nào tạo áp lực cho các giảng viên mà chỉ được đào tạo thuần về giảng dạy Ngôn ngữ, không chuyên môn sâu về kiến thức chuyên ngành (Kinh tế, TCNH, KTKT,...).

#### 4.1.3. Thời lượng và cách thức kiểm tra đánh giá

Thời lượng cho TACN là 60 tiết với mỗi module. 80% các giảng viên tham gia phỏng vấn cho rằng với giáo trình đang áp dụng thì thời lượng phân bổ như vậy là phù hợp. Số ít giảng viên cho rằng thời lượng 60 tiết là không đủ để hướng dẫn sâu nội dung của các bài của mỗi module vì thời lượng dành cho một đơn vị bài học trung bình là 4-5 tiết trong khi giảng viên phải vừa hướng dẫn kiến thức liên quan đến chủ đề của bài vừa sửa bài tập trong giáo trình và cả bài tập bổ sung. Về cách thức kiểm tra đánh giá môn học, đối với bài kiểm tra giữa kỳ, sinh viên được kiểm tra về từ vựng chuyên ngành, trả lời các câu hỏi lý thuyết dạng mở và kết hợp viết bài luận bằng Tiếng Anh về một chủ đề chuyên ngành liên quan đến chương trình đào tạo hoặc viết thư liên quan đến chủ đề thương mại hoặc được kiểm tra kỹ năng dịch Anh – Việt, Việt – Anh. Đồng thời sinh viên cũng được giao các bài tập nhóm, thuyết trình theo chủ đề chuyên ngành trên lớp và được giáo viên đánh giá. Điều này có thể dẫn đến sự chênh lệch về điểm số giữa các lớp do các giảng viên khác nhau thực hiện. Nếu quá trình thuyết trình được giáo viên giám sát chặt chẽ và bài thuyết trình của các nhóm sinh viên có thể giúp các nhóm khác học hỏi được kiến thức liên quan đến ngôn ngữ và nghiệp vụ chuyên ngành thì đây là điều tích cực. Ngược lại, trong

giờ thuyết trình sinh viên sẽ không học hỏi được nhiều kiến thức, và dần hình thành tâm lý chán nản đối với môn học nếu việc quản lý sinh viên trong giờ thuyết trình chưa hiệu quả đặc biệt là trong giai đoạn học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

#### 4.1.4. Yếu tố sinh viên

**Bảng 2. Phương pháp tự học của sinh viên**

Nội dung	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không (%)
1. Hoàn thành các bài tập về nhà.	46	32	22
2. Hình thức tự học: - cá nhân	70	25	5
- nhóm	63	20	17
3. Nơi tự học: - ở nhà	77	18	5
- thư viện	12	42	46
4. Tra cứu thêm tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giáo viên	25	10	65
5. Tra cứu thêm tài liệu tham khảo có liên quan ngoài yêu cầu của giáo viên	10	13	77

Theo kết quả trên, đa số các sinh viên đều làm hết các bài tập giáo viên giao về nhà. Tuy nhiên, vẫn còn 22% số sinh viên không làm hết số bài mà giáo viên giao. Vấn đề đặt ra là lý do khiến sinh viên không làm hết bài về nhà là gì? Vì bài quá nhiều, quá dài hay quá khó?

Số sinh viên có ý thức tra cứu thêm tài liệu tham khảo để mở mang kiến thức cũng không nhiều. Chỉ có 35% là làm theo hướng dẫn của giáo viên và 23% tự tìm tài liệu tham khảo. Như thế con số thống kê trên có thể cho thấy ý thức tự học của sinh viên chưa cao hoặc giáo viên có thể chưa có biện pháp quản lý xác đáng để theo dõi quá trình tự học của sinh viên để giúp các sinh viên nâng cao ý thức tự học.

Có 70% sinh viên thường tự học một mình và 63% thỉnh thoảng học theo nhóm, chủ yếu là giải quyết các bài tập giáo viên yêu cầu thực hiện theo nhóm. Cũng có tới 77% sinh viên chủ yếu tự học ở nhà và 18% thỉnh thoảng học ở nhà. Tuy nhiên rất ít sinh viên thường xuyên đến thư viện để học (12%) và có tới 46% sinh viên không học ở thư viện. Con số này tương đối lớn. Nguyên nhân có thể vì thư viện chưa đủ tài liệu cung cấp cho sinh viên. Đây cũng là vấn đề đặt ra nhằm cập nhật thêm tài liệu cho thư viện để thu hút sinh viên đến tự học.

#### 4.2. Một số đề xuất nâng cao chất lượng giảng dạy TACN tại Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II

Dựa vào thực trạng dạy và học môn TACN hiện nay tại Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II, đặc biệt là nhận diện những bất cập trong công tác dạy và học môn học này, và với kinh nghiệm của người đã tham gia giảng dạy môn này trong nhiều học kỳ, nhóm tác giả kiến nghị một số đề xuất nhằm góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy TACN tại trường.

**Giáo trình giảng dạy.** 78% giảng viên cho rằng giáo trình giảng dạy TACN còn khá bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy TACN, nên Bộ môn Ngoại ngữ của Cơ sở II có thể nghiên cứu khảo sát kiến nghị Nhà trường bổ sung cập nhật giáo trình và tài liệu tham khảo TACN mang tính cập nhật để lôi cuốn sinh viên/ người học và phù hợp với nhu cầu mong đợi của doanh nghiệp.

**Chất lượng đội ngũ giảng viên.** Nhà trường cần tạo điều kiện cho giáo viên trong Bộ môn Ngoại ngữ có thêm nhiều cơ hội học tập ở các khóa học ngắn hạn hoặc dài hạn liên quan đến kiến thức nghiệp vụ các chuyên ngành đang đào tạo triển khai tại trường để giảng viên Tiếng Anh có thể bổ sung thêm kiến thức về nghiệp vụ kinh tế, tài chính ngân hàng, quản trị nhân sự,... phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy chuyên ngành của mình. Đây thực sự cũng là mong muốn của 90% giảng viên trong Bộ môn. Ngoài ra, việc giảm tải khối lượng công việc giảng dạy cho các giảng viên trong Bộ môn cũng rất cần thiết để giảng viên có thời gian nhiều hơn tập trung cho hoạt động nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng bài giảng của mình và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

**Chuẩn đánh giá chung đối với Tiếng Anh chuyên ngành.** Theo Quyết định 128/QĐ-QLKH ngày 06/5/2008 về chương trình chi tiết tiếng Anh chuyên ngành, khi tốt nghiệp, sinh viên phải thi một bài thi Tiếng Anh chuyên ngành và được cấp chứng chỉ. Tuy nhiên, hiện nay Cơ sở II chưa áp dụng hình thức thi này.

**Phương pháp giảng dạy và đánh giá.** Dưới góc nhìn của người học từ bảng 1 thì chỉ 60% giảng viên bổ sung thêm hoặc giảm bớt một số nội dung trong đề cương môn học. Điều này chứng tỏ giảng viên chưa cung cấp nhiều nội dung cập nhật cho học viên, sinh viên khi giảng dạy TACN. Vì vậy, Bộ môn Ngoại ngữ có thể tăng cường tổ chức các hội thảo nghiên cứu quốc gia/ quốc tế về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh nói chung cũng như công tác giảng dạy môn TACN nói riêng đã và đang được triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo các chuyên ngành tương tự để chia sẻ chuyên môn và hướng nghiên cứu với các chuyên gia trong và ngoài nước để từ đó đúc kết được một số bài học thực tiễn có thể cập nhật và triển khai tại Cơ sở II góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập Tiếng Anh tại Đại học Ngoại Thương – Cơ sở II.

**Nâng cao tinh thần tự học trong sinh viên.** Theo kết quả khảo sát từ bảng 2 thì chỉ 70% sinh viên có khả năng tự học. Vì vậy, giảng viên dạy TACN cần có các biện pháp quản lý chặt chẽ việc tự học của sinh viên để giúp sinh viên rèn luyện tinh thần tự chịu trách nhiệm với việc tự học, đồng thời hướng dẫn sinh viên kỹ năng nghiên cứu khoa học, trau dồi ngôn ngữ chuyên ngành để có thể cập nhật các nguồn tài liệu nghiên cứu trên thế giới về lĩnh vực chuyên ngành. Sinh viên tự trau dồi thêm kiến thức tiếng Anh ngoài giờ lên lớp, hoặc áp dụng công nghệ thông tin để quản lý tốt việc tự học của sinh viên.

## 5. Kết luận

Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu về lao động cho doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của bất kỳ trường đại học nào. Với nhu

cầu về đội ngũ lao động không chỉ tinh thông về nghiệp vụ mà còn giỏi về tiếng Anh, đặc biệt là TACN thì môn TACN càng thể hiện vai trò quan trọng của nó. Trong giới hạn bài viết này, qua phân tích và đánh giá công tác giảng dạy TACN tại Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương, nhóm tác giả đã đưa ra một số đề xuất mang tính định hướng cho các nghiên cứu sau này về mặt giáo trình, phương pháp giảng dạy... với hy vọng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này, nâng cao chất lượng của sinh viên nói chung và nâng cao thương hiệu và uy tín nhà trường.

### **Lời cảm ơn**

*Cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương, Ban Giám đốc Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Chủ nhiệm và quý giảng viên bộ môn Ngoại ngữ đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm tác giả thực hiện đề tài nghiên cứu. Bài viết này là sản phẩm của đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Cơ sở của Trường Đại học Ngoại Thương, NTCS2021 – 49.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Đỗ Thị Thu Giang (2020). Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy Tiếng Pháp Thương mại tại trường Đại học Ngoại Thương. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 36(2), 128-144.
- [2] Gradman, H. L. & Hanania E. (1991). Language learning background factors and ESL proficiency. *The Modern Language Journal*, 75(1), 39-51.
- [3] Hutchinson T., Waters A. (1987). *English for Specific Purposes*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [4] Krashen Stephen D. (1988). *Second language acquisition and second language learning*. Prentice Hall International.
- [5] Little Wood W. (1981). *Foreign and Second Language Learning*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [6] Little, D. (2007). Language learner autonomy: Some fundamental considerations revisited. *Innovation in language learning and teaching*, 1(1), 14-29
- [7] Nunan D. (1988). *Syllabus design*. Oxford: Oxford University Press.
- [8] Robinson P. (1991). *ESP today: A Practitioner's guide*. London: Prentice Hall.
- [9] Ross S.J. (2005). The impact of assessment method on foreign language proficiency growth. *Applied Linguistics* 26(3), 317 - 342.
- [10] Trần Thị Duyên, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Thị Hương Giang, Vũ Thị Nhung, Bùi Thị Thu Giang, Cao Thị Hải Hằng (2019). Đánh giá chương trình Tiếng Anh Chuyên ngành tại một trường Đại học của Việt Nam. *VNU Journal of Foreign Studies*, 35(5), 41-53.
- [11] Trường Đại học Ngoại thương (2008). Quyết định 128/QĐ-QLKH ngày 6/5/2008 về phê duyệt chương trình chi tiết tiếng Anh chuyên ngành giảng dạy cho sinh viên ngành Kinh tế, Quản trị - Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Ngoại thương.
- [12] VOCA. (2022) Nâng cao năng lực Anh Ngữ cho người Việt [online]. [Accessed 30 March 2022] Available from: <<https://www.voca.vn/voca-project>>.
- [13] Widdowson H.G. (1983). *Learning Purpose and Language Use*. Oxford: Oxford University Press.